CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 03 - 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2 tổ 09,
Phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2 tổ 09,
Phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hữu Hiếu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
	Ông Văn Tiến Đức	Thành viên Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02/7/2020)
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/6/2020)
	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
	Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Ban Kiểm soát	Ông Dương Xuân Trường	Trưởng ban
	Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Mai Thị phương Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/01/2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Dương Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: 383/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông,**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 29/5/2020 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 với ý kiến ngoại trừ về công tác tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Chúng tôi đã xem xét, đánh giá và nhận thấy những vấn đề mà Kiểm toán viên tiền nhiệm ngoại trừ không còn ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính này.

Nguyễn Lương Nhân
Tổng Giám đốc
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0182-2018-042-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 3 năm 2021
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0985-2018-042-1

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**237.465.184.351**	**273.841.534.465**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**25.408.691.001**	**37.866.731.759**
1. Tiền	111		25.408.691.001	37.866.731.759
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**92.019.189.611**	**111.860.663.986**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	80.650.062.413	119.885.313.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.412.108.297	5.314.945.186
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.357.495.308	5.058.131.904
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(18.400.476.407)	(18.397.726.637)
IV. Hàng tồn kho	**140**	9	**118.999.600.690**	**121.914.668.270**
1. Hàng tồn kho	141		119.435.276.875	123.843.188.578
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(435.676.185)	(1.928.520.308)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.037.703.049**	**2.199.470.450**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.946.808	895.956.889
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		879.614.296	1.302.371.616
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.141.945	1.141.945
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**281.078.240.549**	**295.445.855.382**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**35.415.328.904**	**3.185.550.484**
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	35.415.328.904	3.185.550.484
II. Tài sản cố định	**220**		**88.875.610.766**	**92.667.452.245**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.205.865.335	13.544.046.098
Nguyên giá	222		22.634.260.785	25.152.685.086
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.428.395.450)	(11.608.638.988)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	77.669.745.431	79.123.406.147
Nguyên giá	228		89.783.584.720	90.073.584.720
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.113.839.289)	(10.950.178.573)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**24.914.405.920**	**24.914.405.920**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	24.914.405.920	24.914.405.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	14	**131.233.000.000**	**173.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	173.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	253		164.946.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.713.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**639.894.959**	**1.678.446.733**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		639.894.959	1.678.446.733
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**518.543.424.900**	**569.287.389.847**

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**240.690.562.763**	**211.357.469.737**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**236.679.432.763**	**211.200.532.237**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	103.241.935.550	56.261.085.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	5.338.702.804	21.438.468.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.469.745.761	2.355.170.112
4. Phải trả công nhân viên	314		312.415.795	2.234.623.143
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.850.857.249	1.925.030.179
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		667.000	277.848.922
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	123.016.314.831	125.726.920.182
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.448.793.773	981.385.763
II. Nợ dài hạn	**330**		**4.011.130.000**	**156.937.500**
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	4.011.130.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	156.937.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**277.852.862.137**	**357.929.920.110**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	20	**277.852.862.137**	**357.929.920.110**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.961.800.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.961.800.000	313.961.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(143.500.000)	(143.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.218.528.509	30.283.712.489
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(67.183.966.372)	13.827.907.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.210.955.765	9.153.827.521
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(79.394.922.137)	4.674.080.100
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**518.543.424.900**	**569.287.389.847**

Hà Thị Hải Yến	**Đàm Ngọc Tú**	**Dương Hữu Hiếu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021		

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		908.187.048.175	1.112.418.741.747
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	908.187.048.175	1.112.418.741.747
4. Giá vốn hàng bán	11	22	877.411.005.067	1.062.595.554.785
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**30.776.043.108**	**49.823.186.962**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	20.039.685	97.299.523
7. Chi phí tài chính	22	24	78.185.031.132	14.124.777.008
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*10.243.960.299*	*10.051.436.521*
8. Chi phí bán hàng	24	25	5.374.573.261	8.370.364.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	9.572.292.298	16.368.726.095
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(62.335.813.898)**	**11.056.619.098**
11. Thu nhập khác	31		779.858.588	784.343.058
12. Chi phí khác	32		17.838.966.827	4.764.416.608
13. Lợi nhuận khác	40	27	(17.059.108.239)	(3.980.073.550)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(79.394.922.137)**	**7.076.545.548**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	2.402.465.448
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(79.394.922.137)**	**4.674.080.100**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		**(2.529)**	**134**

Hà Thị Hải Yến	**Đàm Ngọc Tú**	**Dương Hữu Hiếu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021		

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	**01**	**(79.394.922.137)**	**7.076.545.548**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.692.987.749	2.080.931.553
Các khoản dự phòng	03	32.222.905.647	2.481.468.508
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04	-	(5.582.208)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	34.221.528.115	4.193.780.207
Chi phí lãi vay	06	10.243.960.299	10.051.436.521
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**10.986.459.673**	**25.878.580.129**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.968.296.495)	111.106.942.281
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.407.911.703	(44.208.640.606)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.816.367.048	(60.389.285.862)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.777.561.855	2.143.960.316
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.067.180.757)	(10.046.949.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.402.465.448)	(2.357.442.322)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(214.727.826)	(597.400.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**16.335.629.753**	**21.529.763.514**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(213.145.000)	(10.763.460.368)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	454.545.455	3.140.628.359
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(164.946.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	138.774.672.700	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	3.799.185	10.464.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(25.926.127.660)**	**(7.612.367.536)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	287.458.878.226	385.430.090.935
Tiền trả nợ gốc vay	34	(290.326.421.077)	(370.655.127.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(2.867.542.851)**	**14.774.963.142**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(12.458.040.758)**	**28.692.359.120**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**37.866.731.759**	**9.174.384.903**
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	-	(12.264)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**25.408.691.001**	**37.866.731.759**

Hà Thị Hải Yến	**Đàm Ngọc Tú**	**Dương Hữu Hiếu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600341471, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2003 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 29 ngày 25/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DHM.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2 tổ 09, Phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Chi tiết các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Hà Nội	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 8, Tòa nhà Koasto Building, Số 92F Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh Quảng Nam	Đội 10, thôn Quý Phước, xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
4	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh Đà Nẵng	Số 24, An Thượng 20, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
5	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh Thái Nguyên (*)	Số 2b, đường Hoàng Ngân, tổ 25, phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

(*) Chấm dứt hoạt động từ ngày 21/5/2020 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2020 ngày 21/5/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 44 người (tại ngày 31/12/2019 là 87 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 01 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội. Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và đang có chiều hướng lan sang các tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bị sụt giảm từ hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp và Công ty không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính Phủ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Mặt khác, lĩnh vực kinh doanh chăn nuôi thủy hải sản (hồ nuôi baba) tại địa điểm Đội 10, Thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam (thuộc khu vực các tỉnh Miền Trung) chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do mưa lớn và lũ lụt liên tiếp. Đợt lũ thứ 4 từ ngày 6 tháng 11 năm 2020 gây biến động toàn miền Trung, đặt biệt tỉnh Quảng Nam ngập lụt trên diện tích rộng trong đó có huyện Thăng Bình bị ngập nặng. Trang trại nuôi thủy hải sản của Chi nhánh Quảng Nam bị ngập úng tràn bờ toàn bộ các hồ nuôi. Baba rạch bờ theo nước cuốn trôi bị mất kiểm soát và thiệt hại toàn bộ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 35
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06 – 08

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm, website và tài sản vô hình khác là 03 năm.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.
Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	609.284.317	34.883.665.393
Tiền gửi ngân hàng	24.799.406.684	2.983.066.366
VNĐ	*24.795.346.424*	*2.973.754.705*
USD	*4.060.260*	*9.311.661*
	25.408.691.001	**37.866.731.759**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Matexim Hải Phòng	20.963.334.349	-
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	24.867.803.793	10.027.747.840
Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn	17.686.743.131	17.686.743.131
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Global Hưng Gia	3.957.967.000	20.357.967.000
Công ty TNHH Tân Phát Vượng	-	11.237.590.960
Bà Nghiêm Tú Hằng	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	-	32.777.824.453
Các khách hàng khác	13.174.214.140	21.797.440.149
	80.650.062.413	**119.885.313.533**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Phát triển Á Âu	-	4.500.000.000
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Kiến trúc Nam Lộc Phát	1.905.000.000	-
Khác	507.108.297	814.945.186
	16.412.108.297	**5.314.945.186**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	3.637.803.350	2.785.147.505
Các khoản ký quỹ, ký cược	9.514.396.299	2.267.307.247
Các khoản phải thu khác	205.295.659	5.677.152
	13.357.495.308	**5.058.131.904**

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2020			01/01/2020		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH TM Dịch Sơn	Trên 3 năm	17.686.743.131	17.686.743.131	Trên 3 năm	17.686.743.131	17.686.743.131
CN Công ty CP Xây lắp Thành An 96 tại Đà Nẵng	Trên 3 năm	150.000.000	105.000.000	Từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	105.000.000
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Nam Việt	Từ 2 năm đến 3 năm	964.106.797	514.491.926	Từ 1 năm đến 2 năm	1.028.983.852	514.491.926
Công ty CP Việt Nhật Sản xuất và Thương mại	Từ 2 năm đến 3 năm	75.468.100	52.827.670	Từ 1 năm đến 2 năm	75.468.100	37.734.050
Công ty TNHH Thiên Bình An	Từ 2 năm đến 3 năm	59.162.400	41.413.680	Từ 1 năm đến 2 năm	74.162.400	37.081.200
Công ty TNHH ECOBA Công nghệ môi trường	Đã thu hồi công nợ	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	55.587.765	16.676.330
		18.935.480.428	**18.400.476.407**		**19.070.945.248**	**18.397.726.637**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	124.219.085	494.258.665
Công cụ dụng cụ	199.035.500	15.578.317
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.721.524.557	18.273.357.540
Hàng hóa	104.390.497.733	105.059.994.056
	119.435.276.875	**123.843.188.578**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(435.676.185)	(1.928.520.308)
	118.999.600.690	**121.914.668.270**

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản ký quỹ, ký cược	35.415.328.904	3.185.550.484
	35.415.328.904	**3.185.550.484**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2020	11.229.731.649	6.152.199.218	6.305.695.408	322.082.452	1.142.976.359	25.152.685.086
Tăng trong năm	-	25.000.000	-	-	-	25.000.000
Giảm trong năm	(1.412.344.958)	(30.000.000)	(1.054.704.636)	(46.374.707)	-	(2.543.424.301)
- Thanh lý	-	*(30.000.000)*	*(1.054.704.636)*	-	-	*(1.084.704.636)*
- Xóa sổ	*(1.412.344.958)*	-	-	*(46.374.707)*	-	*(1.458.719.665)*
Tại ngày 31/12/2020	**9.817.386.691**	**6.147.199.218**	**5.250.990.772**	**275.707.745**	**1.142.976.359**	**22.634.260.785**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2020	(4.415.533.249)	(2.293.931.517)	(4.221.075.411)	(265.266.020)	(412.832.791)	(11.608.638.988)
Khấu hao trong năm	(578.691.038)	(1.026.403.830)	(404.439.019)	(31.070.104)	-	(2.040.603.991)
Giảm trong năm	1.412.344.958	30.000.000	732.127.764	46.374.807	-	2.220.847.529
- Thanh lý	-	*30.000.000*	*732.127.764*	-	-	*762.127.764*
- Xóa sổ	*1.412.344.958*	-	-	*46.374.807*	-	*1.458.719.765*
Tại ngày 31/12/2020	**(3.581.879.329)**	**(3.290.335.347)**	**(3.893.386.666)**	**(249.961.317)**	**(412.832.791)**	**(11.428.395.450)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	**6.814.198.400**	**3.858.267.701**	**2.084.619.997**	**56.816.432**	**730.143.568**	**13.544.046.098**
Tại ngày 31/12/2020	**6.235.507.362**	**2.856.863.871**	**1.357.604.106**	**25.746.428**	**730.143.568**	**11.205.865.335**

Tài sản thế chấp đảm bảo

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 95.770.709 VND (01/01/2020: 4.993.453.695 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.625.505.237 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.987.906.029 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	89.783.584.720	290.000.000	90.073.584.720
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm		(290.000.000)	(290.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	**89.783.584.720**	**-**	**89.783.584.720**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	(10.660.178.573)	(290.000.000)	(10.950.178.573)
Khấu hao trong năm	(1.453.660.716)	-	(1.453.660.716)
Giảm trong năm	-	290.000.000	290.000.000
Tại ngày 31/12/2020	**(12.113.839.289)**	**-**	**(12.113.839.289)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	**79.123.406.147**	**-**	**79.123.406.147**
Tại ngày 31/12/2020	**77.669.745.431**	**-**	**77.669.745.431**

Tại ngày 31/12/2020 Công ty đã thế chấp Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Khu công viên Bắc tượng đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 35.513.584.720 VND cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình Nhà hàng Thuần Việt	24.914.405.920	24.914.405.920
	24.914.405.920	**24.914.405.920**

Dự án Nhà hàng Thuần Việt theo giấy phép xây dựng số 677/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/3/2017. Theo đó, Công ty được phép xây dựng nhà hàng tại lô đất số 1+2A 14-6 Khu công viên Băc tượng đài, phường Hòa Cường Băc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020 ngày 29/6/2020, Công ty quyết định dừng, không tiếp tục thực hiện dự án nhà hàngThuần Việt. Công ty sẽ tìm kiếm đối tác có nhu cầu để chuyển nhượng lại toàn bộ dự án hoặc cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	**173.000.000.000**	-	-
Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	-		-	135.000.000.000		-
Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát	-		-	38.000.000.000		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**164.946.000.000**	**131.233.000.000**	**(33.713.000.000)**	-	-	-
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	126.946.000.000	96.633.000.000	(30.313.000.000)	-	-	-
Công ty CP Thép Việt Ý	38.000.000.000	34.600.000.000	(3.400.000.000)	-	-	-
	164.946.000.000	**131.233.000.000**	**(33.713.000.000)**	**173.000.000.000**	-	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Hùng Sơn	-	20.018.115.810
Công ty THHH Siemens	428.556.700	4.112.833.531
Công ty CP Kim khí Bắc Thái	3.190.169.463	23.503.518.763
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	42.473.334.561	-
Công ty CP Thương mại Hà Chung	11.040.556.525	-
Công ty CP Đầu tư Eco Valley Việt Nam	36.285.953.057	-
Các nhà cung cấp khác	9.823.365.244	8.626.617.614
	103.241.935.550	**56.261.085.718**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH HB Minh Đức	-	14.621.983.950
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	23.723.741	1.856.619.552
Công ty CP Thương mại Phát triển Á Âu	3.204.682.458	-
Người mua trả tiền trước khác	2.110.296.605	4.959.864.716
	5.338.702.804	**21.438.468.218**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.405.955.892	61.111.116
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.187.737.622
Thuế Thu nhập cá nhân	63.789.869	106.321.374
	1.469.745.761	**2.355.170.112**

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá	4.659.621.700	9.923.007.827
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	118.356.693.131	109.933.049.509
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Thấu chi)	-	4.994.456.937
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Visa)	-	667.155.909
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	209.250.000
	123.016.314.831	**125.726.920.182**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 10/11/2019 với hạn mức vay là 35.000.000 000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động với thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tại ngày 09/02/2021 Công ty đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU để tiếp tục cho khoản vay này với hạn mức vay là 10.000.000 000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 09/02/2021 đến ngày 29/01/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 11021136 ngày 22/09/2011 là Thửa đất số 18, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 2701120246 ngày 31/12/1998 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty).

- Hợp đồng thế chấp số 11021138 ngày 22/09/2011 là Thửa đất số 443, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất" số T397993 ngày 27/6/2001 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty.

- Hợp đồng thế chấp số 08042017 ngày 10/04/2017. bao gồm Xe ô tô con tải HiluxG, biển số 29C-329.80, GCN đăng ký xe số 202519 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/03/2014. Số khung MROFZ29G402538430, số máy: 1KDU494200. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

- Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017, bao gồm Xe ô tô con Toyata Fortuner, biển số 92C-014.60, GCN đăng ký xe số 004160 do CA tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/01/2013, số khung: RL4ZR69G5C4015561, số máy: 2KDU170271, Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 36253.20.090.491629.TD ngày 28/07/2020 với hạn mức tín dụng 1 là 70.000.000.000 đồng và hạn mức tín dụng 2 là 140.000.000.000đồng ,mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng với lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:

- Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tải sản khác gắn liền với đất Số BE 431744, số vào sổ cấp: GCN CH01303 do UBND Quân Hải Châu, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011. Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, số vào sổ cấp GCN QSDĐ- H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà số S16/2015/MB ngày 30/06/2015 giữa Công ty TNHH Vietnam Land SSG và bà Nguyễn Thi Hoài Giang về việc mua bán căn nhà số S-16, địa chỉ 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chi Minh, dự án Saigon Pearl Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ ông Dương Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc Công ty).

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nhận đặt cọc - Công ty CP Thương mại Phát triển Á Âu	4.011.130.000	-
	4.011.130.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	313.961.800.000	(143.500.000)	29.021.558.474	11.047.058.543	353.886.917.017
Lợi nhuận	-	-		4.674.080.100	4.674.080.100
Trích quỹ Đầu tư & Phát triển	-	-	1.262.154.015	(1.262.154.015)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-		(631.077.007)	(631.077.007)
Tại ngày 01/01/2020	**313.961.800.000**	**(143.500.000)**	**30.283.712.489**	**13.827.907.621**	**357.929.920.110**
Lợi nhuận	-	-	-	(79.394.922.137)	(79.394.922.137)
Trích quỹ Đầu tư & Phát triển (*)	-	-	934.816.020	(934.816.020)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(467.408.010)	(467.408.010)
Giảm khác	-	-	-	(214.727.826)	(214.727.826)
Tại ngày 31/12/2020	**313.961.800.000**	**(143.500.000)**	**31.218.528.509**	**(67.183.966.372)**	**277.852.862.137**

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020 ngày 29/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Cổ phiếu	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.396.180	31.396.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.396.180	31.396.180
Cổ phiếu phổ thông	*31.396.180*	*31.396.180*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.396.180	31.396.180
- Cổ phần phổ thông	*31.396.180*	*31.396.180*

Mệnh giá: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. DOANH THU THUẦN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.187.048.175	1.112.418.741.747
	908.187.048.175	**1.112.418.741.747**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã bán	878.903.849.190	1.062.595.554.785
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.492.844.123)	-
	877.411.005.067	**1.062.595.554.785**
Giá vốn của hàng bán bị trả lại		
	877.411.005.067	**1.062.595.554.785**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay	3.799.185	10.464.473
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.240.500	81.252.842
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.582.208
	20.039.685	**97.299.523**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.243.960.299	10.051.436.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.743.533	73.340.487
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	33.713.000.000	
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	34.225.327.300	4.000.000.000
	78.185.031.132	**14.124.777.008**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.413.192.300	5.230.310.735
Chi phí công cụ, dụng cụ	141.148.009	-
Chi phí khấu hao	7.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	547.102.029	-
Chi phí khác bằng tiền	2.265.630.923	3.140.053.549
	5.374.573.261	**8.370.364.284**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.089.818.615	5.265.094.905
Chi phí đồ dùng văn phòng	830.569.123	-
Chi phí dự phòng	19.426.100	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	824.649.949	1.637.801.171
Thuế, phí và lệ phí	284.090.639	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.274.619	-
Chi phí khác	1.009.463.253	9.465.830.019
	9.572.292.298	**16.368.726.095**

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	51.078.733
Thu từ phạt hợp đồng		95.264.100
Khác	779.858.588	638.000.225
Thu nhập khác	**779.858.588**	**784.343.058**
Chi phí đền bù hợp đồng	-	(2.255.013.496)
Thiệt hại do thiên tai	(16.043.354.177)	(395.818.979)
Chi phí khác	(1.795.612.650)	(2.113.584.133)
Chi phí khác	**(17.838.966.827)**	**(4.764.416.608)**
Lợi nhuận khác	**(17.059.108.239)**	**(3.980.073.550)**

Lĩnh vực kinh doanh chăn nuôi thủy hải sản (hồ nuôi baba) tại địa điểm Đội 10, Thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam (thuộc khu vực các tỉnh Miền Trung) chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do mưa lớn và lũ lụt liên tiếp. Đợt lũ từ ngày 6 tháng 11 năm 2020 gây biến động toàn miền Trung, đặt biệt tỉnh Quảng Nam ngập lụt trên diện tích rộng trong đó có huyện Thăng Bình bị ngập nặng. Trang trại nuôi thủy hải sản của Chi nhánh Quảng Nam bị ngập úng tràn bờ toàn bộ các hồ nuôi, baba rạch bờ theo nước cuốn trôi bị mất kiểm soát, ước tính thiệt hại là 16.043.354.177 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ báo cáo Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.126.946.667	23.591.850.978
Chi phí nhân viên	6.696.299.225	11.129.262.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.494.264.707	2.080.931.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.061.376.648	6.055.218.645
Chi phí khác	3.638.730.540	14.146.013.493
	25.017.617.787	**57.003.277.635**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

29. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận trước thuế	**(79.394.922.137)**	**7.076.545.548**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	**1.439.168.257**	**3.862.142.562**
Chi phí không được trừ	1.439.168.257	3.862.142.562
Thu nhập chịu thuế	**(77.955.753.880)**	**10.938.688.110**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	2.187.737.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	*214.727.826*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**2.402.465.448**

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(79.394.922.137)	4.674.080.100
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(467.408.010)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu c.p phổ thông	(79.394.922.137)	4.206.672.090
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.396.180	31.396.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(2.529)**	**134**

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên bên liên quan	**Mối quan hệ**
Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Anh trai và chị dâu Tổng Giám đốc
Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Dương Hữu Hiếu và bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Tổng Giám đốc và vợ
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Vợ Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hảo và Ông Vũ Anh Tuân	Em gái và em rễ Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hà và ông Ngô Xuân Bình	Chị gái và anh rễ Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan		
Bảo lãnh vay vốn	2.690.000.000	2.690.000.000
Ông Dương Hữu Hiếu		
Bảo lãnh vay vốn	3.800.000.000	3.800.000.000

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Dương Hữu Hiếu và bà Nguyễn Thị Hoài Giang		
Bảo lãnh vay vốn	4.500.000.000	4.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Hảo và ông Vũ Anh Tuân		
Bảo lãnh vay vốn	-	2.000.000.000
Bà Dương Thị Hà và ông Ngô Xuân Bình		
Bảo lãnh vay vốn	-	1.560.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang		
Phải trả khác	1.661.673.916	1.661.673.916
Phải thu khác	2.564.886.152	2.850.107.732
Ông Dương Hữu Hiếu		
Phải thu khác	200.000.000	-

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong năm:

Họ tên	**Chức danh**	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Văn Tiến Đức	Chủ tich HĐQT	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	9.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Vương	Thành viên HĐQT	-	55.000.000
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Ông Dương Xuân Trường	Trưởng BKS	42.000.000	60.000.000
Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên BKS	30.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên BKS	30.000.000	24.000.000
Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng giám đốc	210.432.000	238.845.000
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	330.432.000	390.800.000
Bà Mai Thị phương Hà	Phó Tổng giám đốc	20.718.926	227.389.549
Bà Đặng Thiều Hoa	Kế toán trưởng	117.307.231	194.851.923
Ông Đàm Ngọc Tú	Kế toán trưởng	147.981.704	
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Người công bố thông tin	123.720.000	142.914.583
		1.181.591.861	**1.501.801.055**

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Thị Hải Yến	**Đàm Ngọc Tú**	**Dương Hữu Hiếu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021		